| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12-4-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Đỗ Huy Hoàng

Ông Trần Đăng Khoa

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Vân Anh-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 700/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị T; nơi cư trú: Số 108 CT, phường HL, quận HB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Đồng Mạnh H; nơi cư trú: ĐKHKTT: Số 108 CT, phường HL, quận HB, thành phố Hải Phòng; tạm trú: Japan, vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày: Chị và anh Đồng Mạnh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng vào ngày 06 tháng 01 năm 2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau khi kết hôn được 05 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn giữa chị và anh thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống. Cả hai đã cố tìm biện pháp khắc phục, đồng thời hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến đầu tháng 6 năm 2017, cả hai đã không còn ai quan tâm đến ai. Nay xác định cuộc sống chung không thể tiếp tục, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đồng Mạnh H.

Về nuôi con: Chị và anh Đồng Mạnh H có một con chung tên là Đồng Gia B, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2012. Chị và anh thống nhất để chị T nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chị T và anh H tự thỏa thuận nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Chị và anh Đồng Mạnh H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai gửi về tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, bị đơn là anh Đồng Mạnh H trình bày: Thống nhất với chị T về quá trình kết hôn, về con chung, về tài sản chung, về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn. Bản thân anh cũng đã cố gắng có biện pháp khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Do vậy, anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Do anh Đồng Mạnh H ở nước ngoài, anh đề nghị Tòa án không hòa giải, căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa, chị Bùi Thị T và anh Đồng Mạnh H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Bùi Thị T và anh Đồng Mạnh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng vào ngày 06 tháng 01 năm 2012, theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đây là hôn nhân hợp pháp. Anh Đồng Mạnh H hiện đang cư trú ở nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Đồng Mạnh H vắng mặt tại phiên tòa, tài liệu của anh được Đại sứ quan Việt nam tại Nhật Bản xác nhận, anh cũng ủy quyền cho chị Bùi Thị T nhận văn bản tố tụng của Tòa án cho anh. Anh Đồng Mạnh H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Chị Bùi Thị T đã nhận tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt do chị thường xuyên đi công tác không về kịp. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị Bùi Thị T và anh Đồng Mạnh H.

[3] Về hôn nhân: Cả chị Bùi Thị T và anh Đồng Mạnh H đều khai thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau khi kết hôn được 05 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng về quan điểm sống nên giữa anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Cả hai đã cố tìm biện pháp khắc

phục, đồng thời hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến đầu tháng 6 năm 2017, cả hai đã đã không còn ai quan tâm đến ai. Như vậy lời khai của anh chị thống nhất và cũng phù hợp với ý kiến của đại diện gia đình. Như vậy, việc chị Bùi Thị T anh Đồng Mạnh H xin ly hôn là hoàn toàn chính đáng.

[4] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị T, anh Đồng Mạnh H đã thực sự không còn yêu thương nhau, ai chỉ biết bổn phận của người đó. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị xin ly hôn của chị Bùi Thị T, anh Đồng Mạnh H.

[5] Về nuôi con: Chị Bùi Thị T và anh Đồng Mạnh H có một con chung tên là Đồng Gia B, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2012. Chị và anh thống nhất để chị T nuôi con chung. Xét thỏa thuận của anh chị không trái với quy định của pháp luật, vẫn đảm bảo quyền lợi cho cháu B. Do vậy áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận về nuôi con của chị Bùi Thị T, anh Đồng Mạnh H.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị T và anh Đồng Mạnh H thỏa thuận tự giao nhận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về chia tài sản: Chị Bùi Thị T và anh Đồng Mạnh H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Bùi Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Bùi Thị T và anh Đồng Mạnh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Đồng Mạnh H.

2. Về nuôi con: Giao chị Bùi Thị T nuôi con chung Đồng Gia B, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2012 cho đến khi con trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh H thỏa thuận tự giao nhận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về chia tài sản: Chị Bùi Thị T và anh Đồng Mạnh H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0010629 ngày 22 tháng 3 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Bùi Thị T đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Chị Bùi Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Anh Đồng Mạnh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(đã ký)*

**Trần Thu Hương**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Huy Hoàng** **Trần Đăng Khoa** **Trần Thu Hương**